TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **22/**2019/DS-ST
Ngày: 27/5/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Trương Thanh Toàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tấn Lập.**

2. Ông **Nguyễn Văn Đoạt.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đ tham gia phiên Tòa: Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2018/TLST - DS, ngày 14 tháng 12 năm 2018 Về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2019/QĐST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Bà **Lê Thị Lệ Q,** Sinh năm 1968 (Có mặt).

2. Ông **Nguyễn Văn H,** Sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Đường Hòn, thị trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

Bị đơn: 1. Ông **Nguyễn Văn C**, Sinh năm 1980 (Vắng mặt).

2. Bà **Trương Thị Bích V**, Sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố Đường Hòn, thị trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ nguyên đơn bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H trình bày:

Do là chỗ quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V nên vào ngày 22 tháng 8 năm 2018 vợ chồng bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H có cho vợ chồng ông C, bà V vay số tiền là 200.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Nhưng khi vay thì hai bên không có làm Hợp đồng vay tài sản mà vợ chồng ông C, bà V có làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để làm tin với diện tích đất và nhà ở mé sông diện tích chiều ngang 5,5m, chiều dài 17m tới mí nước, tổng diện tích là 93,5m, đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. mặt tiền giáp Lộ Hòn Sóc, một bên giáp nhà ông Huy và một bên giáp bà Nguyên. Đ và nhà tọa lạc tại Khu phố Đường Hòn, thị trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

Thời hạn vay hai bên thỏa thuận là 03 tháng, nếu phía ông C, bà V không trả tiền thì phải giao nhà và Đ nói trên cho vợ chồng bà Q, ông H sử dụng.

Nhưng từ khi vay đến nay phía vợ chồng ông C, bà V không trả gốc và lãi, yêu cầu giao nhà và Đ nói trên cũng không giao. Do đó xảy ra tranh chấp cho đến nay.

Do đó nay vợ chồng bà Q, ông H làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trương Bích V phải trả cho vợ chồng bà Q, ông H số tiền vay gốc là 200.000.000 không yêu cầu tính lãi và yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/8/2018. Ngoài ra ông H, bà Q không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định gồm: Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C, bà V vẫn vắng mặt. Do đó, không có lời khai của ông C, bà V.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Hòn Đ phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý đến trước khi tuyên án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V phải trả cho bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H số tiền vay còn thiếu gốc là 200.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Q, ông H không yêu cầu tính lãi. Tờ Hợp đồng mua bán nhà và đất xác lập giữa bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V ngày 22/8/2018 là hợp đồng giả tạo, vi phạm vào các Điều 122, 123 và Điều 124 Bộ luật dân sự, nên đề nghị hủy Hợp đồng mua bán nhà và đất này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Hòn Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V đồng bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Vào ngày 22 tháng 8 năm 2018 bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H có cho ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V vay số tiền là 200.000.000 đồng, nhưng hai bên không có làm Hợp đồng vay tiền, để tạo niềm tin, ông C, bà V có làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là căn nhà mé sông diện tích chiều ngang 5,5m, chiều dài 17m tới mí nước, tổng diện tích là 93,5m. mặt tiền giáp Lộ Hòn Sóc, một bên giáp nhà ông Huy và một bên giáp bà Nguyên. Nếu ông C, bà V không trả tiền thì phải giao nhà. Nhưng khi đến hạn trả nợ ông C, bà V không trả cũng như không giao nhà vì vậy xảy ra tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, bà Q, ông H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V trả cho bà Q, ông H số tiền gốc là 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của bà Q, ông H là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, theo tờ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/8/2018 và tờ biên nhận nhận tiền cùng ngày 22/8/2018 thì đã thể hiện việc ông C, bà

V đã nhận của bà Q, ông H số tiền là 200.000.000 đồng mà bên phía bà Q, ông H đã cung cấp cho Tòa án thể hiện việc ông C , bà V ký nhận, nhận tiền. Mặc khác, Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký " C" và chữ ký "V" trên tờ Hợp đồng mua bán nhà ở và tờ nhận tiền cùng ngày 22 tháng 8 năm 2018 (A1) với mẫu so sánh chữ ký, chữ viết "C" "V" trên giấy đề nghị vay vốn trả góp, Hợp đồng tín dụng, kiêm Hợp đồng cầm cố...(M1-M5).

Tại bản kết luận giám định số 120/KL-KTHS ngày 24/01/2019 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Kiên G kết luận:

- Chữ ký mang tên Nguyễn Văn C trên "Hợp đồng mua bán đất và nhà ở" đối tượng cần giám định (Ký hiệu A) so với các mẫu chứ ký của Nguyễn Văn C trên đối tượng mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Trương Thị Bích V trên " "Hợp đồng mua bán đất và nhà ở" đối tượng cần giám định (Ký hiệu A) so với các mẫu chứ ký của Trương Thị Bích V trên đối tượng mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M5) là do cùng một người ký ra.

Hơn nữa vào ngày 22 tháng 02 năm 2019 Tòa án có ban hành thông báo số 19/2019/TB-TA yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V phải cung cấp chứng cứ hoặc phải trình bày bằng văn bản về việc bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H khởi kiện đòi số tiền vay nợ còn thiếu 200.000.000đ. Nhưng từ khi nhận thông báo đến nay ông C, bà V vẫn không có ý kiến gì về vấn đề khởi kiện này.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như căn cứ vào các quy định của pháp luật đã có đủ cơ sở để buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V phải trả nợ cho bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H số tiền cả gốc và lãi là 200.000.000 đồng.

[4] Xét hợp đồng mua bán Đ và nhà giữa ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V với vợ chồng bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H là trên cơ sở vay tài sản mà ra, hơn nữa Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà này đã vi phạm vào những điều cấm của luật, nguyên đơn bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H cũng yêu cầu hủy tờ Hợp đồng mua bán này. Như đã nhận định ở trên buộc ông C, bà V Phải trả cho bà Q, ông H số tiền vay gốc còn thiếu là 200.000.000đ, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 122, Điều 123, Điều 124 Bộ luật dân sự hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V xác lập ngày 22/8/2018.

[5] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận các đề nghị này.

[6] Về án phí Dân sự Sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông C, bà V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H về việc đòi nợ đối với ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V.

- Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V phải liên đới trả cho bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H số tiền vay gốc còn thiếu là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án phía ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án này.

2. Hủy tờ giấy Hợp đồng mua bán nhà và đất và nhà ở ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V.

3. Về án phí Dân sự Sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Hoàn trả cho bà Lê Thị Lệ Q, ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009259 ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn C, bà Trương Thị Bích V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung./.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Toàn